CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI CỦA DOANH NGHIỆP THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

TRỊNH TƯỜNG KHIÊM
VÕ NGUYỄN KHÁNH HUYỀN
NGUYỄN NGỌC THÙY ANH
TRỊNH BÁ CHIẾN
Trường Đại học Văn Hiến

Nhận bài ngày 02/02/2026. Sửa chữa xong 05/03/2026. Duyệt đăng 12/03/2026.

Abstract

In the context of an increasingly market-oriented economy and deeper international integration, the identification of a company's beneficial owner is of particular importance for ensuring transparency and preventing money laundering, tax evasion, and the abuse of legal entities. In recent years, Vietnamese law has gradually recognized and regulated this issue; however, in practice, certain gaps and limitations remain in the identification, disclosure, and control of beneficial ownership. On that basis, this article focuses on analyzing the current legal framework and its practical implementation regarding beneficial ownership of enterprises in Vietnam, thereby proposing several recommendations to further improve the legal framework in the coming period.

Keywords: *Beneficial owner, beneficial ownership, current legal framework, enterprises, recommendations.*

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, yêu cầu tăng cường minh bạch hóa hoạt động của doanh nghiệp và kiểm soát các rủi ro pháp lý phát sinh từ việc lạm dụng pháp nhân ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt trong bối cảnh phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, trốn thuế và chuyển giá xuyên biên giới. Nhiều quốc gia đà nỗ lực trong việc xây dựng khung pháp lý có liên quan để tăng cường minh bạch chủ sở hữu hưởng lợi [2, tr, 20]. Khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (DN) vì vậy đã trở thành một nội dung quan trọng trong pháp luật DN và các lĩnh vực pháp luật có liên quan. Ở Việt Nam, mặc dù pháp luật đã bước đầu ghi nhận và đặt ra yêu cầu xác định chủ sở hữu hưởng lợi, song quy định hiện hành còn chưa thống nhất, thiếu cụ thể và gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn áp dụng. Việc nhận diện không đầy đủ hoặc không chính xác chủ sở hữu hưởng lợi không chỉ làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tiềm ẩn nguy cơ xâm hại trật tự kinh tế và lợi ích công cộng. Xuất phát từ những vấn đề đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống quy định của pháp luật Việt Nam về chủ sở hữu hưởng lợi của DN, đánh giá thực trạng thực thi và đề xuất các kiến nghị hoàn thiện là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

Khái niệm "chủ sở hữu hưởng lợi" không phải hoàn toàn mới trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, có hiệu lực từ ngày 1/3/2023 đã quy định rõ chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân thực tế sở hữu hoặc kiểm soát khách hàng, bao gồm người có quyền sở hữu hoặc kiểm soát pháp nhân, tổ chức hoặc thỏa thuận [4, tr. 245]. Theo Bảng chú giải chung cho các Khuyến nghị

Email: Khiemtt@gmail.com

của FATF trong Báo cáo Các chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, chủ sở hữu hưởng lợi được định nghĩa như sau: Chủ sở hữu hưởng lợi đề cập tới (các) cá nhân là người sở hữu hoặc kiểm soát cuối cùng đối với một khách hàng và/hoặc là cá nhân mà thay mặt cho người đó, giao dịch đang được thực hiện. Khái niệm này cũng bao gồm cả những người thực hiện quyền kiểm soát thực sự cuối cùng đối với một pháp nhân hoặc một thỏa thuận pháp lý [1].

Hiện nay, khung quy định pháp luật Việt Nam về chủ sở hữu hưởng lợi của DN đã từng bước được hình thành và hoàn thiện, tạo cơ sở quan trọng để nhận diện các bất cập trong thực tiễn áp dụng. Theo đó, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 tiếp cận khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi theo hướng rộng, bao gồm cá nhân có quyền sở hữu thực tế, quyền kiểm soát hoặc hưởng lợi từ pháp nhân, đồng thời đặt ra yêu cầu tăng cường minh bạch đối với các chủ thể này. Trên cơ sở đó, Nghị định số 19/2023/NĐ-CP đã cụ thể hóa các tiêu chí nhận diện chủ sở hữu hưởng lợi, xác định ngưỡng sở hữu hoặc quyền kiểm soát, và trong trường hợp không thể xác định được thì ghi nhận ít nhất một người đại diện theo pháp luật. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp đã chính thức đưa khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi vào Luật Doanh nghiệp, đồng thời bổ sung nghĩa vụ thu thập, cập nhật, lưu giữ và cung cấp thông tin liên quan, cũng như yêu cầu hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có danh sách chủ sở hữu hưởng lợi (nếu có). Đây là lần đầu tiên khái niệm này được ghi nhận rõ ràng trong luật DN Việt Nam, với mục tiêu nâng cao mức độ minh bạch trong hoạt động kinh doanh và ngăn chặn các cấu trúc sở hữu núp bóng [3]. Để bảo đảm tính khả thi trong thực thi, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP đã "kỹ thuật hóa" các nội dung về xác định, kê khai, lưu giữ và thay đổi thông tin chủ sở hữu hưởng lợi trong đăng ký DN, bao gồm tiêu chí xác định theo ngưỡng sở hữu từ 25% hoặc quyền chi phối, thời hạn thông báo thay đổi thông tin trong vòng 10 ngày, và cơ chế tiếp cận thông tin của các chủ thể có thẩm quyền.

Bên cạnh những bước tiến đáng ghi nhận, quy định pháp luật hiện hành về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập nhất định, điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Một là, tiêu chí nhận diện chủ sở hữu hưởng lợi hiện nay còn mang tính cứng, chủ yếu dựa vào ngưỡng sở hữu từ 25% vốn hoặc cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP nên dễ bị lách trong thực tiễn. Thực tế, quyền lợi kinh tế hoặc quyền kiểm soát DN có thể được phân tán dưới ngưỡng này cho nhiều cá nhân đứng tên, hoặc được thiết kế thông qua nhiều lớp trung gian pháp lý, khiến việc xác định chủ thể thực sự nắm quyền chi phối trở nên khó khăn dù sự kiểm soát trên thực tế vẫn tồn tại. Bên cạnh đó, mặc dù tiêu chí quyền chi phối đã được pháp luật ghi nhận thông qua các nhóm quyết định quan trọng như nhân sự chủ chốt, sửa đổi điều lệ, thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại hoặc giải thể DN nhưng cách tiếp cận này vẫn còn nhiều khoảng trống khi áp dụng. Pháp luật hiện chưa cụ thể hóa tiêu chí quyền chi phối thành một hệ thống dấu hiệu mang tính vận hành, chẳng hạn như thỏa thuận biểu quyết, quyền phủ quyết phát sinh từ hợp đồng, các quan hệ tài chính hoặc tín dụng mang tính ràng buộc, hay cơ chế kiểm soát thông qua chuỗi công ty trung gian trong và ngoài nước. Do đó, DN có xu hướng kê khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi chưa đầy đủ và thiên về hình thức, trong khi cơ quan tiếp nhận hồ sơ cũng gặp khó khăn trong việc đánh giá mức độ đầy đủ và chính xác của thông tin được cung cấp.

Hai là, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu đăng ký DN có nguy cơ chưa phản ánh đầy đủ chủ thể hưởng lợi cuối cùng. Theo Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, việc kê khai chủ sở hữu hưởng lợi chủ yếu dựa trên các nhóm chủ thể dễ nhận diện như cổ đông, thành viên hoặc chủ sở hữu đạt ngưỡng theo quy định, cũng như các cổ đông là tổ chức nắm giữ từ 25% vốn hoặc cổ phần có quyền biểu quyết. Cách tiếp cận này trong thực tiễn có thể khiến dữ liệu chỉ dừng lại ở mức xác định người hoặc pháp nhân nắm giữ trực tiếp hoặc đóng vai trò trung gian mà chưa buộc phải làm rõ toàn bộ chuỗi sở hữu để truy nguyên đến cá nhân hưởng lợi cuối cùng. Nguy cơ này đặc biệt rõ nét trong các trường hợp tồn tại nhiều tầng sở hữu chéo, có công ty mẹ hoặc công ty nắm giữ vốn đặt tại

nước ngoài, hoặc khi cấu trúc sở hữu được thiết kế dưới hình thức ủy quyền hay đứng tên hộ, làm suy giảm hiệu quả minh bạch hóa và kiểm soát chủ sở hữu hưởng lợi trên thực tế.

Ba là, cơ chế tự kê khai hiện vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc xác định và công bố thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của DN. Theo quy định hiện hành, việc nhận diện chủ sở hữu hưởng lợi chủ yếu do người thành lập DN hoặc chính DN tự xác định, sau đó kê khai và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Cách tiếp cận này trong điều kiện thiếu các công cụ hỗ trợ phù hợp làm gia tăng nguy cơ thông tin được cung cấp không phản ánh đúng thực tế. Pháp luật hiện chưa thiết lập được một cơ chế kiểm chứng và đối soát độc lập đủ mạnh, dựa trên đánh giá rủi ro, để kịp thời phát hiện các trường hợp kê khai không đầy đủ, kê khai người đứng tên thay cho người hưởng lợi thực sự, hoặc cố tình trì hoãn việc cập nhật khi có thay đổi. Điều này làm giảm hiệu quả của yêu cầu minh bạch hóa chủ sở hữu hưởng lợi và hạn chế vai trò phòng ngừa, phát hiện vi phạm của hệ thống đăng ký doanh nghiệp.

Bốn là, nghĩa vụ cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi trong thời hạn ngắn nhưng khó bảo đảm khả năng thực thi. Theo Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo việc thay đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi hoặc tỷ lệ sở hữu đã kê khai trong thời hạn 10 ngày kể từ khi phát sinh thay đổi. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thay đổi chủ sở hữu hưởng lợi không ít trường hợp lại bắt nguồn từ các giao dịch hoặc sự điều chỉnh ở tầng trung gian, chẳng hạn như chuyển nhượng phần vốn hoặc cổ phần tại công ty mẹ hoặc công ty holding, khiến doanh nghiệp tại Việt Nam không phải lúc nào cũng kịp thời nắm bắt để thực hiện nghĩa vụ cập nhật. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật hiện hành chưa thiết lập được cơ chế tự động hoặc chủ động phát hiện các trường hợp doanh nghiệp không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cập nhật, dẫn đến việc tuân thủ chủ yếu vẫn phụ thuộc vào tính tự giác của doanh nghiệp và làm giảm hiệu quả thực thi của quy định này trong thực tế.

Năm là, bất cập từ cơ chế xử lý trong trường hợp không xác định được chủ sở hữu hưởng lợi theo các tiêu chí về sở hữu hoặc quyền kiểm soát. Theo Nghị định số 19/2023/NĐ-CP, khi không thể nhận diện chủ sở hữu hưởng lợi trên cơ sở các tiêu chí này, pháp luật cho phép xác định ít nhất một người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là chủ thể được kê khai. Cách tiếp cận này tuy có ý nghĩa bảo đảm không để trống thông tin nhưng trong thực tiễn lại tiềm ẩn nguy cơ làm sai lệch bản chất của việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi. Trên thực tế, người đại diện theo pháp luật trong nhiều trường hợp chỉ là người được thuê hoặc người làm công ăn lương, không phải là cá nhân thực sự hưởng lợi hoặc nắm quyền chi phối đối với doanh nghiệp. Do đó, việc lùi sang kê khai người đại diện theo pháp luật có thể dẫn đến thông tin được ghi nhận không phản ánh đúng chủ thể hưởng lợi cuối cùng, qua đó làm suy giảm ý nghĩa và hiệu quả minh bạch hóa mà chế định chủ sở hữu hưởng lợi hướng tới.

Sáu là, cách tiếp cận mang tính ưu tiên cho cơ quan nhà nước, trong khi khả năng tiếp cận của thị trường và các bên thứ ba còn bị hạn chế. Theo Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, cơ chế tiếp cận thông tin đăng ký doanh nghiệp được thiết kế theo hướng phân tầng, theo đó tổ chức và cá nhân khi yêu cầu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp không được tiếp cận thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi, trong khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền lại được quyền yêu cầu và khai thác thông tin này để phục vụ công tác phòng chống rửa tiền và các mục tiêu quản lý nhà nước có liên quan. Cách tiếp cận này tuy bảo đảm yêu cầu quản lý và bảo mật nhất định, nhưng lại làm hạn chế đáng kể khả năng thẩm định đối tác của doanh nghiệp, ngân hàng, nhà đầu tư và các tổ chức xã hội. Hệ quả là thị trường thiếu công cụ cần thiết để tự sàng lọc và nhận diện các rủi ro liên quan đến cấu trúc sở hữu và quyền kiểm soát doanh nghiệp, qua đó làm giảm hiệu quả phòng ngừa rủi ro ngay từ khâu giao dịch dân sự và thương mại.

Bảy là, sự tồn tại của các ngoại lệ hoặc vùng trũng pháp lý đối với nhóm công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2025 và Nghị định số 168/2025/NĐ-CP đều có những thiết kế ngoại lệ nhất định liên quan đến nghĩa vụ thông báo thay đổi thông tin chủ sở hữu hưởng lợi đối với các chủ thể này tùy theo từng trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, trong thực tiễn, cơ chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán chủ yếu tập trung vào cổ đông lớn và người nội bộ, trong khi các chủ thể này không phải lúc nào cũng trùng khớp với

chủ sở hữu hưởng lợi theo đúng nghĩa là cá nhân hưởng lợi cuối cùng. Đặc biệt trong các trường hợp tồn tại cơ chế đứng tên hộ hoặc chuỗi sở hữu phức tạp, việc dựa vào thông tin công bố trên thị trường chứng khoán có thể không phản ánh đầy đủ cấu trúc sở hữu và quyền kiểm soát thực tế, từ đó làm phát sinh khoảng trống trong việc minh bạch hóa chủ sở hữu hưởng lợi của nhóm doanh nghiệp này.

2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện

Để khắc phục những vấn đề còn hạn chế, bất cập nêu trên đòi hỏi cần phải thực hiện các giải pháp sau:

2.2.1. Cần hoàn thiện đồng bộ tiêu chí nhận diện chủ sở hữu hưởng lợi theo hướng linh hoạt, dựa trên bản chất quyền kiểm soát thực tế và mức độ rủi ro, thay vì phụ thuộc cứng nhắc vào ngưỡng sở hữu hình thức. Theo đó, pháp luật nên bổ sung cơ chế cộng gộp tỷ lệ sở hữu hoặc quyền kiểm soát của các cá nhân có liên quan hoặc cùng hành động trong trường hợp tồn tại sự phối hợp biểu quyết, ủy quyền hoặc quan hệ chi phối thực tế, đồng thời cho phép áp dụng các ngưỡng nhận diện thấp hơn đối với những ngành, lĩnh vực rủi ro cao hoặc DN có cấu trúc sở hữu phức tạp trên cơ sở tiếp cận quản lý theo rủi ro. Song song với đó, cần ban hành hướng dẫn hoặc phụ lục chuẩn hóa về quyền chi phối, làm rõ các dấu hiệu nhận diện cụ thể như thỏa thuận biểu quyết, quyền phủ quyết phát sinh từ hợp đồng hoặc điều lệ, các cam kết tài chính gắn với điều kiện quản trị, quyền bổ nhiệm thực tế đối với bộ máy quản lý, hoặc cơ chế kiểm soát thông qua công ty trung gian ở nước ngoài. Việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi theo tiêu chí quyền chi phối cần gắn với nghĩa vụ kê khai rõ căn cứ chi phối kèm theo tài liệu, điều khoản liên quan, thay vì chỉ nêu tên chủ thể, đồng thời trao thẩm quyền rõ ràng cho cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu bổ sung, kiểm tra thông tin trong các trường hợp có dấu hiệu rủi ro hoặc nghi vấn nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quy định về chủ sở hữu hưởng lợi.

2.2.2. Cần hoàn thiện pháp luật theo hướng quy định rõ nghĩa vụ truy vết chuỗi sở hữu đến cá nhân cuối cùng, không dừng lại ở các pháp nhân trung gian. Theo đó, trong trường hợp DN có tổ chức nắm giữ tỷ lệ vốn hoặc cổ phần đáng kể, cần yêu cầu doanh nghiệp nộp hoặc đính kèm sơ đồ chuỗi sở hữu thể hiện rõ mối quan hệ sở hữu và kiểm soát giữa các chủ thể trong toàn bộ cấu trúc. Đối với các cấu trúc sở hữu có yếu tố nước ngoài, pháp luật nên yêu cầu cung cấp tài liệu chứng minh về chuỗi sở hữu, như giấy tờ đăng ký DN hoặc tài liệu tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, kèm theo yêu cầu hợp pháp hóa hoặc xác nhận lãnh sự khi cần thiết, đồng thời thiết lập cơ chế xác nhận lại thông tin khi có thay đổi phát sinh. Bên cạnh đó, cần chuẩn hóa dữ liệu kê khai theo hướng bảo đảm đủ mức độ chi tiết để phục vụ việc đối soát và truy xuất, bao gồm các thông tin cơ bản về họ tên, quốc tịch, thông tin định danh, tỷ lệ sở hữu hoặc quyền kiểm soát và cách thức chi phối, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý và minh bạch hóa thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của DN.

2.2.3. Cần thiết lập cơ chế xác minh dựa trên đánh giá rủi ro, theo đó cơ quan có thẩm quyền thực hiện lựa chọn mẫu để kiểm tra sau đăng ký và xây dựng hệ thống dấu hiệu cảnh báo sớm đối với các trường hợp có nguy cơ cao, như DN có cấu trúc sở hữu nhiều tầng, thay đổi chủ sở hữu hưởng lợi liên tục hoặc có cổ đông là tổ chức đặt tại các quốc gia và vùng lãnh thổ có rủi ro cao về minh bạch tài chính. Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ chế liên thông và đối soát dữ liệu giữa hệ thống đăng ký DN với các cơ sở dữ liệu về thuế, chứng khoán và ngân hàng trong phạm vi pháp luật cho phép, nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi không thống nhất. Đồng thời, pháp luật nên gắn trách nhiệm phù hợp đối với các tổ chức trung gian tham gia vào quá trình hình thành và quản lý DN, như dịch vụ thành lập DN, quản lý doanh nghiệp hoặc cung cấp người đại diện theo hợp đồng, theo hướng tương thích với cơ chế phòng chống rửa tiền, bởi các chủ thể này đã được đặt nghĩa vụ nhận biết và đánh giá khách hàng trong khuôn khổ pháp luật hiện hành.

2.2.4. Cần bổ sung cơ chế xác nhận thông tin định kỳ, chẳng hạn theo chu kỳ hằng năm, đối với tình trạng chủ sở hữu hưởng lợi, kể cả trong trường hợp không có thay đổi, nhằm giảm sự phụ thuộc hoàn toàn vào tính tự giác của DN khi phát sinh biến động. Đồng thời, pháp luật nên quy định rõ nghĩa vụ thông báo theo chiều ngược lại, theo đó công ty mẹ, DN nắm giữ vốn hoặc cổ đông là tổ chức khi có

sự thay đổi về chủ sở hữu hoặc quyền kiểm soát phải có trách nhiệm thông tin kịp thời cho DN tại Việt Nam để thực hiện cập nhật theo quy định. Bên cạnh đó, cần xây dựng các công cụ hỗ trợ trên hệ thống đăng ký DN như cơ chế nhắc việc tự động gắn với dữ liệu đã được chuẩn hóa, kết hợp với cách tiếp cận xử lý theo lộ trình từ mềm đến cứng, bao gồm nhắc nhở, cảnh báo và chỉ áp dụng chế tài khi DN không tuân thủ sau các bước hỗ trợ cần thiết.

2.2.5. Cần sửa đổi theo hướng chỉ coi việc xác định người quản lý cấp cao hoặc người đại diện theo pháp luật là biện pháp cuối cùng, được áp dụng sau khi DN đã thực hiện đầy đủ và hợp lý các bước cần thiết nhằm truy vết chủ sở hữu hưởng lợi nhưng không đạt được kết quả. Theo đó, pháp luật nên yêu cầu ghi nhận rõ các bước đã thực hiện trong quá trình xác định, kèm theo các tài liệu, biên bản hoặc yêu cầu cung cấp thông tin liên quan, nhằm tạo dấu vết kiểm tra. Đồng thời, DN hoặc tổ chức có nghĩa vụ lưu giữ hồ sơ chứng minh các biện pháp hợp lý đã được áp dụng trong hệ thống hồ sơ nội bộ để phục vụ công tác thanh tra và kiểm tra sau đăng ký. Bên cạnh đó, cần ban hành mẫu báo cáo về trường hợp không xác định được chủ sở hữu hưởng lợi, gắn với trách nhiệm giải trình cụ thể, nhằm tránh tình trạng ngoại lệ này bị sử dụng như một lối thoát hình thức và làm suy giảm hiệu quả của cơ chế minh bạch hóa.

2.2.6. Cần thiết kế cơ chế tiếp cận thông tin theo nhiều tầng, phù hợp với mức độ và mục đích sử dụng. Theo hướng này, nên xây dựng một tầng công khai tối thiểu với các thông tin không nhạy cảm, chẳng hạn như họ tên, quốc tịch và mức độ sở hữu hoặc quyền kiểm soát được thể hiện theo các khoảng giá trị. Bên cạnh đó, cần dành một tầng tiếp cận sâu hơn cho các chủ thể có nghĩa vụ phòng chống rửa tiền, như ngân hàng và một số doanh nghiệp cung ứng dịch vụ có rủi ro cao, nhằm phục vụ hoạt động thẩm định khách hàng và đối tác. Đối với cơ quan nhà nước, việc tiếp cận đầy đủ thông tin vẫn được bảo đảm để phục vụ chức năng quản lý và kiểm tra. Đồng thời, pháp luật nên nghiên cứu áp dụng cơ chế tiếp cận dựa trên lợi ích chính đáng, gắn với các điều kiện chặt chẽ về mục đích sử dụng, ghi nhận lịch sử truy cập, chế tài đối với hành vi lạm dụng và yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân, qua đó dung hòa giữa yêu cầu minh bạch và bảo đảm quyền riêng tư.

2.2.7. Cần đồng bộ hóa pháp luật về DN và pháp luật về chứng khoán theo hướng bổ sung cơ chế nhận diện chủ sở hữu hưởng lợi dựa trên quyền kiểm soát thực tế, bên cạnh các tiêu chí truyền thống về tỷ lệ sở hữu và vị trí quản lý. Đồng thời, cần tăng cường ràng buộc nghĩa vụ của các tổ chức lưu ký và các chủ thể đứng tên hộ trong việc cung cấp thông tin khi phát sinh rủi ro, phục vụ cho hoạt động giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán. Bên cạnh đó, nên yêu cầu DN niêm yết thực hiện xác nhận định kỳ về tình trạng chủ sở hữu hưởng lợi, thay vì chỉ dựa vào cơ chế công bố cổ đông, nhằm bảo đảm thông tin được cập nhật đầy đủ và phản ánh đúng cấu trúc sở hữu và kiểm soát trên thực tế.

2.2.8. Xây dựng khung pháp lý quy định về các biện pháp cưỡng chế, bao gồm xử phạt hành chính và xử lý hình sự tương ứng với hành vi vi phạm trong trường hợp DN không tuân thủ nghĩa vụ về chủ sở hữu hưởng lợi [5. tr. 70]. Theo đó, cần thiết kế cơ chế xử phạt phân tầng tương ứng với tính chất và mức độ vi phạm, bao gồm các trường hợp không kê khai hoặc không cập nhật thông tin, kê khai sai do thiếu cẩn trọng, và các hành vi cố ý che giấu chủ sở hữu hưởng lợi hoặc đứng tên hộ. Đối với các hành vi có yếu tố cố ý, cần áp dụng mức xử phạt nghiêm khắc hơn, đồng thời gắn với các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc cải chính và buộc cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định. Bên cạnh chế tài tiền phạt, cần bổ sung các biện pháp mang tính thủ tục nhằm tạo áp lực tuân thủ, chẳng hạn như tạm dừng hoặc không giải quyết một số thủ tục thay đổi nội dung đăng ký DN trong trường hợp DN chưa hoàn thành nghĩa vụ cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi, trong giới hạn hợp lý và bảo đảm quyền kinh doanh hợp pháp. Đồng thời, việc tổ chức thực thi cần được nâng lên theo các chuẩn mực quốc tế, phù hợp với khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính quốc tế, theo đó thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi phải được lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền hoặc thông qua cơ chế thay thế cho phép tiếp cận hiệu quả, đi kèm với các biện pháp bảo đảm độ tin cậy và khả năng kiểm chứng của dữ liệu.

Xem tiếp trang 279